

Số: 01/2022/NQ-HĐND

Bình Dương, ngày 25 tháng 4 năm 2022

NGHỊ QUYẾT

**Quy định nội dung, mức chi tổ chức các kỳ thi, hội thi trong lĩnh vực
giáo dục và đào tạo trên địa bàn tỉnh Bình Dương**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG
KHÓA X - KỲ HỌP THỨ TƯ (CHUYÊN ĐỀ)**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 84/2020/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giáo dục;

Căn cứ Thông tư số 69/2021/TT-BTC ngày 11 tháng 8 năm 2021 của Bộ Trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý kinh phí chuẩn bị, tổ chức và tham dự các kỳ thi áp dụng đối với giáo dục phổ thông;

Xét Tờ trình số 1824/TTr-UBND ngày 21 tháng 4 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về dự thảo Nghị quyết quy định nội dung, mức chi để tổ chức các kỳ thi, hội thi trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo trên địa bàn tỉnh Bình Dương; Báo cáo thẩm tra số 27/BC-HĐND ngày 22 tháng 4 năm 2022 của Ban Văn hóa - Xã hội; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định nội dung, mức chi tổ chức các kỳ thi, hội thi trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo trên địa bàn tỉnh Bình Dương.

2. Đối tượng áp dụng

Các cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục và đào tạo; các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan đến công tác chuẩn bị, tổ chức các kỳ thi, hội thi ngành giáo dục và đào tạo trên địa bàn tỉnh Bình Dương.

Điều 2. Nội dung, mức chi và kinh phí thực hiện

1. Nội dung, mức chi

- a) Đối với kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông (*Phụ lục I kèm theo*).
- b) Đối với các kỳ thi tuyển sinh đầu cấp (*Phụ lục II kèm theo*).
- c) Đối với tổ chức coi thi chọn học sinh giỏi cấp quốc gia (*Phụ lục III kèm theo*).
- d) Đối với kỳ thi học sinh giỏi các môn văn hóa, chọn đội tuyển học sinh giỏi (*Phụ lục IV kèm theo*).
- đ) Đối với ra đề thi học kỳ cấp trung học cơ sở và trung học phổ thông (*Phụ lục V kèm theo*).
- e) Đối với kỳ thi tốt nghiệp nghề (*Phụ lục VI kèm theo*).
- g) Đối với kỳ thi Olympic cấp tiểu học, trung học cơ sở và trung học phổ thông (*Phụ lục VII kèm theo*).
- h) Đối với các hội thi mang tính chất chuyên đề (*Phụ lục VIII kèm theo*).
- i) Đối với hội thi giáo viên dạy giỏi, cấp dưỡng giỏi, cán bộ quản lý giỏi, giáo viên chủ nhiệm giỏi các cấp học (*Phụ lục IX kèm theo*).
- k) Đối với hội thi khoa học kỹ thuật học sinh trung học và thi E-learning (*Phụ lục X kèm theo*).

2. Đối với các nội dung chi còn lại thực hiện theo quy định tại Thông tư số 69/2021/TT-BTC ngày 11 tháng 8 năm 2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý kinh phí chuẩn bị, tổ chức và tham dự các kỳ thi áp dụng đối với giáo dục phổ thông.

3. Các mức chi quy định trên được tính với thời gian 8 giờ/ngày làm việc bình thường theo quy định. Thời gian làm việc ngày lễ, tết được tính bằng 300% mức quy định trên; ngày thứ bảy, chủ nhật được tính bằng 200% mức quy định trên; hoặc do yêu cầu công việc phải làm thêm giờ được hưởng bằng 150% mức quy định trên (tiền lương giờ để tính tiền lương trả thêm giờ theo mức quy định trên/8 giờ). Trường hợp một người làm nhiều nhiệm vụ khác nhau trong một ngày thì chỉ được hưởng mức chi cao nhất.

4. Kinh phí thực hiện: từ nguồn ngân sách hàng năm được bố trí cho ngành giáo dục và đào tạo theo phân cấp ngân sách hiện hành và các nguồn thu hợp pháp khác (nếu có).

Điều 3. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh

- 1. Tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

2. Trong quá trình tổ chức triển khai thực hiện, nếu các văn bản quy phạm pháp luật dẫn chiếu để áp dụng tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng các văn bản quy phạm pháp luật mới thì thực hiện theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

Điều 4. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Dương khóa X, kỳ họp Tư (chuyên đề) thông qua ngày 25 tháng 4 năm 2022 và có hiệu lực kể từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- Văn phòng: Quốc hội, Chính phủ, Ban CTĐB;
- Các Bộ: GD&ĐT, Tư pháp, Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy, Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- LĐVP: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH - HĐND, UBND tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND cấp huyện;
- Cơ sở Dữ liệu Quốc gia về pháp luật (Sở Tư pháp);
- Trung tâm CB, Website tỉnh, Báo, Đài PT-TH Bình Dương;
- Các phòng, App, Web;
- Lưu: VT, Ly (4).



CHỦ TỊCH

Phạm Văn Chánh

Phụ lục I
NỘI DUNG VÀ MỨC CHI TỔ CHỨC KỶ THI
TỐT NGHIỆP TRUNG HỌC PHỔ THÔNG
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐND ngày 25 tháng 4 năm 2022
của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Dương)

Số TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi (đồng)
1	Ban chỉ đạo thi cấp tỉnh		
a	Trưởng ban	Người/ngày	750.000
b	Phó trưởng ban thường trực	Người/ngày	710.000
c	Phó trưởng ban	Người/ngày	675.000
d	Ủy viên, thư ký	Người/ngày	600.000
đ	Nhân viên phục vụ	Người/ngày	300.000
2	Hội đồng thi		
a	Chủ tịch	Người/ngày	710.000
b	Phó Chủ tịch	Người/ngày	640.000
c	Ủy viên	Người/ngày	570.000
3	Ban thư ký Hội đồng thi		
a	Trưởng ban	Người/ngày	675.000
b	Phó trưởng ban	Người/ngày	610.000
c	Ủy viên	Người/ngày	540.000
4	Hội đồng/Ban in sao đề thi		
a	Chủ tịch/Trưởng ban (làm việc cách ly)	Người/ngày	710.000
b	Phó chủ tịch/Phó trưởng ban (làm việc cách ly)	Người/ngày	640.000
c	Ủy viên, thư ký (làm việc cách ly)	Người/ngày	570.000
d	Công an, bảo vệ, nhân viên phục vụ, y tế (làm việc cách ly)	Người/ngày	500.000
đ	Công an, bảo vệ, nhân viên phục vụ vòng ngoài	Người/ngày	285.000
5	Ban vận chuyển và bàn giao đề thi		
a	Trưởng ban	Người/ngày	640.000
b	Phó trưởng ban	Người/ngày	580.000
c	Ủy viên, công an	Người/ngày	515.000
6	Hội đồng/Ban coi thi		
a	Trưởng ban	Người/ngày	710.000
b	Phó trưởng ban	Người/ngày	640.000
c	Trưởng Điểm thi	Người/ngày	640.000
d	Phó Trưởng Điểm thi	Người/ngày	580.000
đ	Ủy viên, thư ký, cán bộ coi thi, cán bộ giám sát	Người/ngày	515.000
e	Công an, bảo vệ, nhân viên phục vụ, y tế	Người/ngày	285.000
7	Ban/Tổ làm phách		
a	Trưởng ban (làm việc cách ly)	Người/ngày	710.000
b	Phó trưởng ban (làm việc cách ly)	Người/ngày	640.000
c	Ủy viên, thư ký (làm việc cách ly)	Người/ngày	570.000

Số TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi (đồng)
d	Công an, bảo vệ, nhân viên phục vụ, y tế (làm việc cách ly)	Người/ngày	500.000
đ	Công an, bảo vệ, nhân viên phục vụ vòng ngoài	Người/ngày	285.000
8	Hội đồng/Ban Chấm thi		
a	Trưởng ban	Người/ngày	675.000
b	Phó trưởng ban	Người/ngày	610.000
c	Ủy viên, thư ký, kỹ thuật viên	Người/ngày	540.000
đ	Công an, bảo vệ, nhân viên phục vụ, y tế	Người/ngày	285.000
9	Hội đồng/Ban phúc khảo		
a	Trưởng ban	Người/ngày	675.000
b	Phó trưởng ban	Người/ngày	610.000
c	Ủy viên, thư ký, kỹ thuật viên	Người/ngày	540.000
d	Công an, bảo vệ, nhân viên phục vụ, y tế	Người/ngày	285.000
10	Tiền chấm bài thi (Số lượng bài thi mỗi cán bộ chấm thi phải hoàn thành trong một ngày theo quy định)		
a	Chấm bài thi tự luận	Người/ngày	720.000
b	Chấm bài thi trắc nghiệm	Người/ngày	720.000
c	Chấm phúc khảo bài thi tự luận và bài thi trắc nghiệm	Người/ngày	575.000
d	Chấm kiểm tra bài thi tự luận	Người/ngày	505.000
11	Các nhiệm vụ chi khác		
	Văn phòng phẩm cho công tác coi thi và chấm thi	Phòng thi	40.000

Phụ lục II
NỘI DUNG VÀ MỨC CHI TỔ CHỨC CÁC KỲ THI TUYỂN SINH
ĐẦU CẤP TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BÌNH DƯƠNG
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐND ngày 25 tháng 4 năm 2022
của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Dương)

Số TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi (đồng)
1	Ban Chỉ đạo thi		
a	Trưởng ban	Người/ngày	675.000
b	Phó trưởng ban	Người/ngày	610.000
c	Ủy viên, thư ký	Người/ngày	540.000
d	Nhân viên phục vụ	Người/ngày	270.000
2	Xây dựng ngân hàng câu hỏi thi		
a	Chi xây dựng và phê duyệt ma trận đề thi và bản đặc tả đề thi (Chủ trì; các thành viên):		
-	<i>Người chủ trì</i>	<i>Người/ngày</i>	<i>800.000</i>
-	<i>Thành viên</i>	<i>Người/ngày</i>	<i>560.000</i>
b	Chi soạn thảo câu hỏi thô	Câu	56.000
c	Chi rà soát, chọn lọc, thẩm định và biên tập câu hỏi	Câu	48.000
d	Chi chỉnh sửa câu hỏi sau thử nghiệm	Câu	40.000
đ	Chi chỉnh sửa lại các câu hỏi sau khi thử nghiệm đề thi	Câu	28.000
e	Chi rà soát, lựa chọn và nhập các câu hỏi vào ngân hàng câu hỏi thi theo hướng chuẩn hóa	Câu	8.000
g	Chi thuê chuyên gia định cỡ câu hỏi trắc nghiệm		
-	<i>Chủ trì</i>	<i>Người/ngày</i>	<i>800.000</i>
-	<i>Thành viên</i>	<i>Người/ngày</i>	<i>560.000</i>
3	Ra đề thi		
a	Chi xây dựng và phê duyệt ma trận đề thi và bản đặc tả đề thi		
-	<i>Chủ trì</i>	<i>Người/ngày</i>	<i>750.000</i>
-	<i>Thành viên</i>	<i>Người/ngày</i>	<i>600.000</i>
b	Chi ra đề		
-	<i>Ra đề đề xuất (đối với đề thi tự luận)</i>	<i>Đề theo phân môn</i>	<i>480.000</i>
-	<i>Chi tiền ra đề thi chính thức và dự bị có kèm theo đáp án, biểu điểm</i>	<i>Người/ngày</i>	<i>800.000</i>
c	Hội đồng/Ban ra đề thi		
-	<i>Chủ tịch Hội đồng/Trưởng ban</i>	<i>Người/ngày</i>	<i>750.000</i>
-	<i>Phó chủ tịch/Phó trưởng ban</i>	<i>Người/ngày</i>	<i>675.000</i>
-	<i>Ủy viên, thư ký</i>	<i>Người/ngày</i>	<i>600.000</i>
4	Hội đồng/Ban in sao đề thi		
a	Chủ tịch Hội đồng/Trưởng ban	Người/ngày	640.000
b	Phó chủ tịch/Phó trưởng ban	Người/ngày	580.000

Số TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi (đồng)
c	Ủy viên, thư ký	Người/ngày	510.000
d	Công an, bảo vệ, nhân viên phục vụ	Người/ngày	255.000
5	Ban vận chuyển và bàn giao đề thi		
a	Trưởng ban	Người/ngày	580.000
b	Phó trưởng ban	Người/ngày	520.000
c	Ủy viên, công an	Người/ngày	460.000
6	Hội đồng/Ban coi thi		
a	Chủ tịch Hội đồng/Trưởng ban	Người/ngày	580.000
b	Phó chủ tịch/Phó trưởng ban	Người/ngày	520.000
c	Ủy viên, thư ký, cán bộ coi thi, cán bộ giám sát	Người/ngày	460.000
d	Công an, bảo vệ, nhân viên phục vụ, y tế	Người/ngày	255.000
7	Ban/Tổ làm phách		
a	Trưởng ban	Người/ngày	640.000
b	Phó trưởng ban	Người/ngày	580.000
c	Ủy viên, thư ký	Người/ngày	510.000
8	Hội đồng/Ban Chấm thi		
a	Chủ tịch Hội đồng/Trưởng ban	Người/ngày	610.000
b	Phó chủ tịch/Phó trưởng ban	Người/ngày	545.000
c	Ủy viên, thư ký, kỹ thuật viên	Người/ngày	485.000
d	Tiền công cho tổ trưởng, tổ phó các tổ chấm thi (ngoài tiền công chấm thi)	Người/đợt chấm thi	270.000
đ	Công an, bảo vệ, nhân viên phục vụ, y tế	Người/ngày	255.000
9	Hội đồng/Ban Phúc khảo		
a	Chủ tịch Hội đồng/Trưởng ban	Người/ngày	610.000
b	Phó chủ tịch/Phó trưởng ban	Người/ngày	545.000
c	Ủy viên, thư ký	Người/ngày	485.000
d	Công an, bảo vệ, nhân viên phục vụ, y tế	Người/ngày	255.000
10	Tiền chấm bài thi (Số lượng bài thi mỗi cán bộ chấm thi phải hoàn thành trong một ngày theo quy định)		
a	Chấm bài thi tự luận	Người/ngày	650.000
b	Chấm bài thi Trắc nghiệm	Người/ngày	650.000
c	Chấm phúc khảo bài thi tự luận và bài thi trắc nghiệm	Người/ngày	520.000
d	Chấm kiểm tra bài thi tự luận	Người/ngày	455.000
11	Chi khác		
	Văn phòng phẩm cho công tác coi thi và chấm thi	Phòng thi	40.000

Phụ lục III
NỘI DUNG VÀ MỨC CHI TỔ CHỨC COI THI CHỌN
HỌC SINH CẤP QUỐC GIA

*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐND ngày 25 tháng 4 năm 2022
của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Dương)*

Số TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi (đồng)
1	Hội đồng coi thi		
a	Chủ tịch	Người/ngày	640.000
b	Phó Chủ tịch	Người/ngày	580.000
c	Ủy viên, thư ký, cán bộ coi thi, cán bộ giám sát	Người/ngày	515.000
d	Công an, bảo vệ, y tế, phục vụ	Người/ngày	285.000
2	Các nhiệm vụ chi khác		
	Văn phòng phẩm cho công tác coi thi	Phòng thi	40.000

Phụ lục IV
NỘI DUNG VÀ MỨC CHI TỔ CHỨC KỲ THI HỌC SINH GIỎI
CÁC MÔN VĂN HÓA, CHỌN ĐỘI TUYỂN HỌC SINH GIỎI
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐND ngày 25 tháng 4 năm 2022
của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Dương)

Số TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi (đồng)	
			Cấp tỉnh	Cấp huyện
1	Ban tổ chức thi			
a	Trưởng ban	Người/ngày	675.000	525.000
b	Phó trưởng ban	Người/ngày	610.000	470.000
c	Ủy viên, thư ký	Người/ngày	540.000	420.000
d	Nhân viên phục vụ	Người/ngày	270.000	210.000
2	Xây dựng ngân hàng câu hỏi thi			
a	Chi xây dựng và phê duyệt ma trận đề thi và bản đặc tả đề thi			
-	<i>Chủ trì</i>	<i>Người/ngày</i>	<i>1.000.000</i>	<i>800.000</i>
-	<i>Thành viên</i>	<i>Người/ngày</i>	<i>700.000</i>	<i>560.000</i>
b	Chi soạn thảo câu hỏi thô	Câu	63.000	49.000
c	Chi rà soát, chọn lọc, thẩm định và biên tập câu hỏi	Câu	54.000	42.000
d	Chi chỉnh sửa câu hỏi sau thử nghiệm	Câu	45.000	35.000
đ	Chi chỉnh sửa lại các câu hỏi sau khi thử nghiệm đề thi	Câu	31.000	25.000
e	Chi rà soát, lựa chọn và nhập các câu hỏi vào ngân hàng câu hỏi thi theo hướng chuẩn hóa	Câu	9.000	7.000
g	Chi thuê chuyên gia định cỡ câu hỏi trắc nghiệm			
-	<i>Chủ trì</i>	<i>Người/ngày</i>	<i>800.000</i>	<i>650.000</i>
-	<i>Thành viên</i>	<i>Người/ngày</i>	<i>560.000</i>	<i>455.000</i>
3	Ra đề thi			
a	Chi xây dựng và phê duyệt ma trận đề thi và bản đặc tả đề thi			
-	<i>Người chủ trì</i>	<i>Người/ngày</i>	<i>800.000</i>	<i>650.000</i>
-	<i>Thành viên</i>	<i>Người/ngày</i>	<i>640.000</i>	<i>520.000</i>
b	Ra đề đề xuất đối với môn tự luận, thi nói, thi thực hành, thi tin học	Đề theo phân môn	800.000	650.000
c	Chi tiền ra đề thi chính thức và dự bị có kèm theo đáp án, biểu điểm	Người/ngày	1.000.000	800.000
d	Hội đồng/Ban ra đề thi			
-	<i>Chủ tịch Hội đồng/Trưởng ban</i>	<i>Người/ngày</i>	<i>800.000</i>	<i>650.000</i>
-	<i>Phó chủ tịch/Phó trưởng ban</i>	<i>Người/ngày</i>	<i>720.000</i>	<i>585.000</i>
-	<i>Ủy viên, thư ký</i>	<i>Người/ngày</i>	<i>640.000</i>	<i>520.000</i>
4	Hội đồng/Ban in sao đề thi			
a	Chủ tịch Hội đồng/Trưởng ban	Người/ngày	640.000	500.000

Số TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi (đồng)	
			Cấp tỉnh	Cấp huyện
b	Phó chủ tịch/Phó trưởng ban	Người/ngày	580.000	450.000
c	Ủy viên, thư ký	Người/ngày	510.000	400.000
5	Hội đồng/Ban coi thi			
a	Chủ tịch Hội đồng/Trưởng ban	Người/ngày	580.000	450.000
b	Phó chủ tịch/Phó trưởng ban	Người/ngày	520.000	405.000
c	Ủy viên, thư ký, cán bộ coi thi, cán bộ giám sát	Người/ngày	460.000	360.000
d	Công an, bảo vệ, nhân viên phục vụ, y tế	Người/ngày	255.000	200.000
6	Hội đồng/Ban Chấm thi			
a	Chủ tịch Hội đồng/Trưởng ban	Người/ngày	610.000	470.000
b	Phó chủ tịch/Phó trưởng ban	Người/ngày	545.000	425.000
c	Ủy viên, thư ký, kỹ thuật viên	Người/ngày	485.000	380.000
d	Phụ cấp trách nhiệm tổ trưởng, tổ phó các tổ chấm thi (ngoài tiền công chấm thi)	Người/đợt chấm thi	270.000	210.000
đ	Công an, bảo vệ, nhân viên phục vụ, y tế	Người/ngày	255.000	200.000
7	Hội đồng/Ban Phúc khảo			
a	Chủ tịch Hội đồng/Trưởng ban	Người/ngày	610.000	470.000
b	Phó chủ tịch/Phó trưởng ban	Người/ngày	545.000	425.000
c	Ủy viên, thư ký, kỹ thuật viên	Người/ngày	485.000	380.000
d	Công an, bảo vệ, nhân viên phục vụ, y tế	Người/ngày	255.000	200.000
8	Tiền chấm bài thi (Số lượng bài thi mỗi cán bộ chấm thi phải hoàn thành trong một ngày theo quy định)			
a	Chấm bài thi tự luận	Người/ngày	1.000.000	800.000
b	Chấm bài thi Trắc nghiệm	Người/ngày	1.000.000	800.000
c	Chấm bài thi nói Ngoại ngữ/thực hành	Người/ngày	1.000.000	800.000
d	Chấm phúc khảo bài thi tự luận và bài thi trắc nghiệm	Người/ngày	800.000	640.000
9	Các nhiệm vụ chi khác			
	Văn phòng phẩm cho công tác coi thi và chấm thi	Phòng thi	40.000	40.000

Phụ lục V
NỘI DUNG VÀ MỨC CHI RA ĐỀ THI HỌC KỲ CẤP TRUNG HỌC CƠ SỞ
VÀ TRUNG HỌC PHỔ THÔNG

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐND ngày 25 tháng 4 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Dương)

Số TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi (đồng)
1	Xây dựng ngân hàng câu hỏi thi		
a	Chi xây dựng và phê duyệt ma trận đề thi và bản đặc tả đề thi (Chủ trì; các thành viên):		
-	<i>Chủ trì</i>	<i>Người/ngày</i>	<i>400.000</i>
-	<i>Thành viên</i>	<i>Người/ngày</i>	<i>280.000</i>
b	Chi soạn thảo câu hỏi thô	Câu	28.000
c	Chi rà soát, chọn lọc, thẩm định và biên tập câu hỏi	Câu	24.000
d	Chi chỉnh sửa câu hỏi sau thử nghiệm	Câu	20.000
đ	Chi chỉnh sửa lại các câu hỏi sau khi thử nghiệm đề thi	Câu	14.000
e	Chi rà soát, lựa chọn và nhập các câu hỏi vào ngân hàng câu hỏi thi theo hướng chuẩn hóa	Câu	4.000
g	Chi thuê chuyên gia định cỡ câu hỏi trắc nghiệm		
-	<i>Chủ trì</i>	<i>Người/ngày</i>	<i>400.000</i>
-	<i>Thành viên</i>	<i>Người/ngày</i>	<i>280.000</i>
2	Ra đề thi		
a	Chi xây dựng và phê duyệt ma trận đề thi và bản đặc tả đề thi		
-	<i>Chủ trì</i>	<i>Người/ngày</i>	<i>300.000</i>
-	<i>Thành viên</i>	<i>Người/ngày</i>	<i>240.000</i>
b	Chi tiền ra đề thi chính thức và dự bị có kèm theo đáp án, biểu điểm (đề tự luận, đề trắc nghiệm, đề thi nói, đề thi thực hành)	Người/ngày	400.000
c	Chi tiền công Hội đồng/Ban ra đề thi		
-	<i>Chủ tịch Hội đồng/Trưởng ban</i>	<i>Người/ngày</i>	<i>300.000</i>
-	<i>Phó chủ tịch/Phó trưởng ban</i>	<i>Người/ngày</i>	<i>270.000</i>
-	<i>Ủy viên, thư ký</i>	<i>Người/ngày</i>	<i>240.000</i>

Phụ lục VI
NỘI DUNG VÀ MỨC CHI TỔ CHỨC KỲ THI TỐT NGHIỆP NGHỀ
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐND ngày 25 tháng 4 năm 2022
của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Dương)

Số TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi (đồng)
1	Ban tổ chức thi		
a	Trưởng ban	Người/ngày	375.000
b	Phó trưởng ban	Người/ngày	340.000
c	Ủy viên, thư ký	Người/ngày	300.000
d	Nhân viên phục vụ	Người/ngày	150.000
2	Xây dựng ngân hàng câu hỏi thi		
a	Chi xây dựng và phê duyệt ma trận đề thi và bản đặc tả đề thi		
-	<i>Chủ trì</i>	<i>Người/ngày</i>	<i>500.000</i>
-	<i>Thành viên</i>	<i>Người/ngày</i>	<i>350.000</i>
b	Chi soạn thảo câu hỏi thô	Câu	35.000
c	Chi rà soát, chọn lọc, thẩm định và biên tập câu hỏi	Câu	30.000
d	Chi chỉnh sửa câu hỏi sau thử nghiệm	Câu	25.000
đ	Chi chỉnh sửa lại các câu hỏi sau khi thử nghiệm đề thi	Câu	18.000
e	Chi rà soát, lựa chọn và nhập các câu hỏi vào ngân hàng câu hỏi thi theo hướng chuẩn hóa	Câu	5.000
g	Chi thuê chuyên gia định cỡ câu hỏi trắc nghiệm		
-	<i>Chủ trì</i>	<i>Người/ngày</i>	<i>500.000</i>
-	<i>Thành viên</i>	<i>Người/ngày</i>	<i>350.000</i>
3	Ra đề thi		
a	Chi xây dựng và phê duyệt ma trận đề thi và bản đặc tả đề thi		
-	<i>Chủ trì</i>	<i>Người/ngày</i>	<i>375.000</i>
-	<i>Thành viên</i>	<i>Người/ngày</i>	<i>300.000</i>
b	Chi tiền ra đề thi chính thức và dự bị có kèm theo đáp án, biểu điểm (đề tự luận, đề trắc nghiệm, đề thi nói, đề thi thực hành)	Người/ngày	500.000
c	Hội đồng/Ban ra đề thi		
-	<i>Chủ tịch Hội đồng/Trưởng ban</i>	<i>Người/ngày</i>	<i>375.000</i>
-	<i>Phó chủ tịch/Phó trưởng ban</i>	<i>Người/ngày</i>	<i>340.000</i>
-	<i>Ủy viên, thư ký</i>	<i>Người/ngày</i>	<i>300.000</i>
4	Hội đồng/Ban in sao đề thi		
a	Chủ tịch Hội đồng/Trưởng ban	Người/ngày	355.000
b	Phó chủ tịch/Phó trưởng ban	Người/ngày	320.000
c	Ủy viên, thư ký	Người/ngày	285.000
d	Nhân viên phục vụ, công an, bảo vệ	Người/ngày	140.000
5	Hội đồng/Ban coi thi		
a	Chủ tịch Hội đồng/Trưởng ban	Người/ngày	320.000
b	Phó chủ tịch/Phó trưởng ban	Người/ngày	290.000

Số TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi (đồng)
c	Ủy viên, thư ký, cán bộ coi thi, cán bộ giám sát	Người/ngày	255.000
d	Công an, bảo vệ, nhân viên phục vụ, y tế	Người/ngày	140.000
6	Hội đồng/Ban Chấm thi		
a	Chủ tịch Hội đồng/Trưởng ban	Người/ngày	340.000
b	Phó chủ tịch/Phó trưởng ban	Người/ngày	305.000
c	Ủy viên, thư ký, kỹ thuật viên	Người/ngày	270.000
d	Công an, bảo vệ, nhân viên phục vụ, y tế	Người/ngày	140.000
7	Hội đồng/Ban Phúc khảo		
a	Chủ tịch Hội đồng/Trưởng ban	Người/ngày	340.000
b	Phó chủ tịch/Phó trưởng ban	Người/ngày	305.000
c	Ủy viên, thư ký	Người/ngày	270.000
d	Công an, bảo vệ, nhân viên phục vụ, y tế	Người/ngày	140.000
8	Tiền chấm bài thi (Số lượng bài thi mỗi cán bộ chấm thi phải hoàn thành trong một ngày theo quy định)		
a	Chấm bài thi tự luận	Người/ngày	360.000
b	Chấm bài thi Trắc nghiệm	Người/ngày	360.000
c	Chấm bài thi thực hành	Người/ngày	360.000
d	Chấm phúc khảo bài thi tự luận và bài thi trắc nghiệm	Người/ngày	290.000
9	Chi khác		
	Văn phòng phẩm cho công tác coi thi và chấm thi	Phòng thi	40.000

Phụ lục VII
NỘI DUNG VÀ MỨC CHI TỔ CHỨC KỶ THI OLYMPIC CẤP TIỂU HỌC,
TRUNG HỌC CƠ SỞ VÀ TRUNG HỌC PHỔ THÔNG
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐND ngày 25 tháng 4 năm 2022
của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Dương)

Số TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi (đồng)	
			Cấp tỉnh	Cấp huyện
1	Ban tổ chức thi			
a	Trưởng ban	Người/ngày	375.000	280.000
b	Phó trưởng ban	Người/ngày	340.000	250.000
c	Ủy viên, thư ký	Người/ngày	300.000	220.000
d	Nhân viên phục vụ	Người/ngày	150.000	110.000
2	Ra đề thi			
a	Chi tiền ra đề thi chính thức và dự bị có kèm theo đáp án, biểu điểm (đề tự luận, đề trắc nghiệm, đề thi nói, đề thi thực hành)	Người/ngày	500.000	370.000
b	Hội đồng/Ban ra đề thi			
-	<i>Chủ tịch Hội đồng/Trưởng ban</i>	<i>Người/ngày</i>	<i>375.000</i>	<i>280.000</i>
-	<i>Phó chủ tịch/Phó trưởng ban</i>	<i>Người/ngày</i>	<i>340.000</i>	<i>250.000</i>
-	<i>Ủy viên, thư ký, kỹ thuật viên</i>	<i>Người/ngày</i>	<i>300.000</i>	<i>220.000</i>
3	Hội đồng/Ban coi thi			
a	Chủ tịch Hội đồng/Trưởng ban	Người/ngày	320.000	240.000
b	Phó chủ tịch/Phó trưởng ban	Người/ngày	290.000	215.000
c	Ủy viên, thư ký, kỹ thuật viên, cán bộ coi thi, cán bộ giám sát	Người/ngày	255.000	190.000
d	Công an, bảo vệ, nhân viên phục vụ, y tế	Người/ngày	140.000	105.000
4	Hội đồng/Ban Chấm thi			
a	Chủ tịch Hội đồng/Trưởng ban	Người/ngày	340.000	250.000
b	Phó chủ tịch/Phó trưởng ban	Người/ngày	305.000	225.000
c	Ủy viên, thư ký, kỹ thuật viên	Người/ngày	270.000	200.000
d	Công an, bảo vệ, nhân viên phục vụ, y tế	Người/ngày	140.000	105.000
đ	Tiền chấm bài thi (Số lượng bài thi mỗi cán bộ chấm thi phải hoàn thành trong một ngày theo quy định)	Người/ngày	360.000	265.000
5	Hội đồng/Ban Phúc khảo			
a	Chủ tịch Hội đồng/Trưởng ban	Người/ngày	340.000	250.000
b	Phó chủ tịch/Phó trưởng ban	Người/ngày	305.000	225.000
c	Ủy viên, thư ký, kỹ thuật viên	Người/ngày	270.000	200.000
d	Công an, bảo vệ, nhân viên phục vụ, y tế	Người/ngày	140.000	105.000
6	Chi khác			
	Văn phòng phẩm cho công tác coi và chấm thi	Phòng thi	30.000	30.000

Phụ lục VIII
NỘI DUNG VÀ MỨC CHI TỔ CHỨC CÁC HỘI THI
MANG TÍNH CHẤT CHUYÊN ĐỀ

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐND ngày 25 tháng 4 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Dương)

Số TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi (đồng)	
			Cấp tỉnh	Cấp huyện
1	Ban tổ chức thi			
a	Trưởng ban	Người/ngày	240.000	180.000
b	Phó trưởng ban	Người/ngày	215.000	160.000
c	Ủy viên, thư ký	Người/ngày	190.000	145.000
d	Nhân viên phục vụ	Người/ngày	95.000	70.000
2	Ra đề thi			
a	Chi tiền ra đề thi chính thức và dự bị có kèm theo đáp án, biểu điểm (đề tự luận, đề trắc nghiệm, đề thi nói, đề thi thực hành)	Người/ngày	320.000	240.000
b	Hội đồng/Ban ra đề thi			
-	<i>Chủ tịch Hội đồng/Trưởng ban</i>	<i>Người/ngày</i>	<i>240.000</i>	<i>180.000</i>
-	<i>Phó chủ tịch/Phó trưởng ban</i>	<i>Người/ngày</i>	<i>215.000</i>	<i>160.000</i>
-	<i>Ủy viên, thư ký, kỹ thuật viên</i>	<i>Người/ngày</i>	<i>190.000</i>	<i>145.000</i>
3	Hội đồng/Ban coi thi			
a	Chủ tịch Hội đồng/Trưởng ban	Người/ngày	205.000	155.000
b	Phó chủ tịch/Phó trưởng ban	Người/ngày	185.000	140.000
c	Ủy viên, thư ký, cán bộ coi thi, cán bộ giám sát	Người/ngày	165.000	120.000
d	Công an, bảo vệ, nhân viên phục vụ, y tế	Người/ngày	90.000	70.000
4	Hội đồng/Ban Chấm thi			
a	Chủ tịch Hội đồng/Trưởng ban	Người/ngày	215.000	160.000
b	Phó chủ tịch/Phó trưởng ban	Người/ngày	195.000	145.000
c	Ủy viên, thư ký, kỹ thuật viên	Người/ngày	170.000	130.000
d	Công an, bảo vệ, nhân viên phục vụ, y tế	Người/ngày	90.000	70.000
đ	Tiền chấm bài thi (Số lượng bài thi mỗi cán bộ chấm thi phải hoàn thành trong một ngày theo quy định)	Người/ngày	230.000	170.000
5	Chi khác			
	Văn phòng phẩm cho công tác coi và chấm thi		Theo thực tế phát sinh	

Phụ lục IX
NỘI DUNG VÀ MỨC CHI TỔ CHỨC HỘI THI GIÁO VIÊN DẠY GIỎI,
CẤP DƯỠNG GIỎI, CÁN BỘ QUẢN LÝ GIỎI, GIÁO VIÊN CHỦ NHIỆM
GIỎI CÁC CẤP HỌC

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐND ngày 25 tháng 4 năm 2022
của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Dương)

Số TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi (đồng)	
			Cấp tỉnh	Cấp huyện
1	Ban tổ chức thi			
a	Trưởng ban	Người/ngày	280.000	240.000
b	Phó trưởng ban	Người/ngày	250.000	215.000
c	Ủy viên, thư ký	Người/ngày	220.000	190.000
d	Nhân viên phục vụ	Người/ngày	110.000	95.000
2	Ra đề thi			
a	Chi tiền ra đề thi chính thức và dự bị có kèm theo đáp án, biểu điểm (đề tự luận, đề trắc nghiệm, đề thi nói, đề thi thực hành)	Người/ngày	370.000	320.000
b	Hội đồng/Ban ra đề thi			
-	Chủ tịch Hội đồng/Trưởng ban	Người/ngày	280.000	240.000
-	Phó chủ tịch/Phó trưởng ban	Người/ngày	250.000	215.000
-	Ủy viên, thư ký	Người/ngày	220.000	190.000
3	Hội đồng/Ban coi thi			
a	Chủ tịch Hội đồng/Trưởng ban	Người/ngày	240.000	205.000
b	Phó chủ tịch/Phó trưởng ban	Người/ngày	215.000	185.000
c	Ủy viên, thư ký, cán bộ coi thi, cán bộ giám sát	Người/ngày	190.000	165.000
d	Công an, bảo vệ, nhân viên phục vụ, y tế	Người/ngày	105.000	90.000
4	Hội đồng/Ban Chấm thi			
a	Chủ tịch Hội đồng/Trưởng ban	Người/ngày	250.000	215.000
b	Phó chủ tịch/Phó trưởng ban	Người/ngày	225.000	195.000
c	Ủy viên, thư ký, cán bộ coi thi, cán bộ giám sát	Người/ngày	200.000	170.000
d	Công an, bảo vệ, nhân viên phục vụ, y tế	Người/ngày	105.000	90.000
đ	Tiền chấm bài thi (Số lượng bài thi mỗi cán bộ chấm thi phải hoàn thành trong một ngày theo quy định)	Người/ngày	265.000	230.000
5	Chi khác			
a	Hỗ trợ thực phẩm cho thí sinh dự thi cấp dưỡng giỏi của cấp học mầm non	20 khẩu phần ăn/thí sinh	Tính theo giá xuất ăn của các cháu tại trường đăng cai tổ chức thi theo thời điểm dự thi	
b	Văn phòng phẩm cho công tác coi và chấm thi		Theo thực tế phát sinh	

Phụ lục X
NỘI DUNG VÀ MỨC CHI TỔ CHỨC HỘI THI KHOA HỌC KỸ THUẬT
HỌC SINH TRUNG HỌC VÀ THI E-LEARNING
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐND ngày 25 tháng 4 năm 2022
của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Dương)

Số TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi (đồng)	
			Cấp tỉnh	Cấp huyện
1	Ban tổ chức thi			
a	Trưởng ban	Người/ngày	375.000	280.000
b	Phó trưởng ban	Người/ngày	340.000	250.000
c	Ủy viên, thư ký	Người/ngày	300.000	220.000
d	Nhân viên phục vụ	Người/ngày	150.000	110.000
2	Chi cho công tác chấm thi			
a	Chủ tịch Hội đồng/Trưởng ban	Người/ngày	340.000	250.000
b	Phó chủ tịch/Phó trưởng ban	Người/ngày	305.000	225.000
c	Ủy viên, thư ký, kỹ thuật viên	Người/ngày	270.000	200.000
d	Giám khảo	Người/ngày	360.000	265.000
đ	Công an, bảo vệ, nhân viên phục vụ, y tế	Người/ngày	140.000	105.000
3	Hỗ trợ tác giả mua sắm vật tư thực hiện Dự án dự thi KHKT			
	Dự án có bản vẽ, mô hình	Đề tài/Dự án	1.000.000	800.000
4	Chế độ bồi dưỡng cho giáo viên hướng dẫn các đề tài, dự án dự thi KHKT			
a	Số tiết hướng dẫn đề tài, dự án	Tiết/đề tài, dự án	40	30
b	Mức chi hướng dẫn	Tiết/đề tài, dự án	200.000	160.000
c	Thuê chuyên gia phân tích, đánh giá kết quả đề tài/dự án dự thi cấp quốc gia	Đề tài, dự án	2.000.000	